

Số: 268 /BC-SGD&ĐT

Bến Tre, ngày 11 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm triển khai Kế hoạch số 2180/KH-UBND thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2011-2015

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15 tháng 6 năm 2004 Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục và chương trình hành động của Tỉnh ủy Bến Tre giai đoạn 2011-2015; UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch 2180/KH-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2011 về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2011-2015, sau thời gian 03 năm triển khai thực hiện, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo sơ kết kết quả đạt được như sau:

I. Những kết quả đạt được trong 03 năm triển khai thực hiện Kế hoạch 2180/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư trung ương Đảng về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2011-2015

1. Việc củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý

1.1 Cán bộ quản lý

Cán bộ quản lý các cấp từng bước được củng cố về số lượng, chất lượng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục.

Đến năm 2013, toàn tỉnh có 1.103 cán bộ quản lý

+ Về trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100% đạt theo chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tỉ lệ trên chuẩn Mầm non 95,2 % tăng so với năm học 2010-2011 là 9,7 % (so với chỉ tiêu kế hoạch vượt 5,2 %), Tiểu học 95,8 % tăng so với năm học 2010-2012 là 3,2 % (so với chỉ tiêu kế hoạch vượt 5,8 %), Trung học cơ sở 95,8 % tăng so với năm học 2010-2011 là 3,6 % (so với chỉ tiêu kế hoạch vượt 5,8 %), Trung học phổ thông 16,8 % tăng so với năm học 2010-2011 là 3,8 % (so với chỉ tiêu kế hoạch hụt 8,2 %). (đính kèm biểu số 1)

+ Về trình độ quản lý giáo dục: Tổng số cán bộ quản lý được bồi dưỡng 969/1103 đạt tỷ lệ 87,9 % giảm so với năm học 2010-2011 là 1,0 % (so với chỉ tiêu Kế hoạch hụt 12,1 %) (đính kèm biểu số 2)

+ Về trình độ lý luận chính trị: Tổng số cán bộ quản lý đã được bồi dưỡng 807/1103 đạt 73,2 % tăng so với năm học 2010-2011 là 8,0 % (so với chỉ tiêu kế hoạch hụt 26,8 %). (đính kèm biểu số 3)

Tổng số Đảng viên 1052/1103 đạt tỷ lệ 95,4 % tăng 1,1 % so năm học 2010-2011), so với chỉ tiêu Kế hoạch 2180/KH-UBND hụt 4,6 %. (đính kèm biểu số 8)

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý được đảm bảo tính kế thừa, vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa đảm bảo tính ổn định lâu dài. Qua bồi dưỡng, giao việc, thử thách ngành đã từng bước lựa chọn được cán bộ thực sự có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt để bổ nhiệm các chức danh quản lý.

Trong 03 năm qua, ngành giáo dục và đào tạo đã tham mưu bổ nhiệm mới 257 cán bộ, bổ nhiệm lại 389 cán bộ, điều động 171 cán bộ và cho thôi giữ chức vụ 59 cán bộ. Các trường hợp luân chuyển, điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý mới đã phát huy tác dụng, hiệu quả quản lý giáo dục được nâng lên. (đính kèm biểu số 4)

1.2 Giáo viên

Đội ngũ giáo viên ngày càng được củng cố, kiện toàn theo yêu cầu đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu và chuẩn hóa về trình độ chuyên môn đào tạo. Giáo viên giữ vững được lập trường tư tưởng chính trị, đạo đức, phong cách và lối sống chuẩn mực.

Năm 2013, toàn tỉnh có 13.004 giáo viên các cấp, về trình độ chuyên môn giáo viên Mầm non đạt chuẩn 100% tăng so với năm 2010-2011 là 0,4% đạt theo chỉ tiêu kế hoạch, trong đó trên chuẩn 80,3 % tăng so với năm 2010-2011 là 29,2% (so với chỉ tiêu kế hoạch vượt 20,2%), giáo viên Tiểu học đạt chuẩn 100% tăng so với năm 2010-2011 là 0,1% đạt theo chỉ tiêu kế hoạch, trong đó trên chuẩn 86,1% tăng so với năm 2010-2011 là 12,2% (so với chỉ tiêu kế hoạch vượt 6,1%), giáo viên Trung học cơ sở đạt 100% tăng so với năm 2010-2011 là 0,2% đạt theo chỉ tiêu kế hoạch, trong đó trên chuẩn 77,0% tăng so với năm 2010-2011 là 12,5% (so với chỉ tiêu kế hoạch vượt 17%), giáo viên Trung học phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên đạt 99,9% tăng so với năm học 200-2011 là 0,3% (so với chỉ tiêu kế hoạch hụt 0,1%), trong đó trên chuẩn 10,3% tăng so với năm 2010-2011 là 2,9 % (so với chỉ tiêu kế hoạch vượt hụt 4,7%). (đính kèm biểu số 6)

Giáo viên các cấp học từng bước được bổ sung theo Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, Thông tư 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2007 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở mầm non công lập và Thông tư 59/TT-BGDĐT ngày 31/10/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp giáo dục ở các trường chuyên biệt công lập.

Trong 03 năm thực hiện kế hoạch, ngành Giáo dục và Đào tạo đã tuyển dụng được 1554 viên chức (GV Mầm non: 430; Tiểu học: 315; THCS: 86; THPT: 81.; nhân viên 646). Tình hình giáo viên và nhân viên phục vụ công tác giảng dạy ở các cấp học đảm bảo theo qui định của các Thông tư, cụ thể:

GV Mầm non: 1,37 GV/lớp

GV Tiểu học: 1,45 GV/lớp

GV THCS: 2,05 GV/lớp

GV THPT: 2,28 GV/lớp

2. Công tác khảo sát, đánh giá, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để đào tạo, chuẩn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nhà giáo

Công tác khảo sát, đánh giá, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ là việc làm thường xuyên trên cơ sở làm tốt công tác thanh tra kết hợp với công tác nhận xét, đánh giá cán bộ. Hầu hết các cán bộ, giáo viên được bố trí phù hợp với năng lực chuyên môn và thực tiễn từng đơn vị và đều có ý thức tự học để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tốt hơn yêu cầu giảng dạy trong tình hình mới.

Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Hai không”, “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục và góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đóng vai trò quan trọng không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mà còn giúp cải thiện chất lượng giáo dục. Trước những yêu cầu theo Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đòi hỏi từng cán bộ, viên chức của ngành phải không ngừng tự học tập, nghiên cứu để đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ giáo dục của ngành.

Trong 03 năm, số lượng cán bộ, giáo viên đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn có tăng lên cụ thể số Cán bộ quản lý học Thạc sĩ 13, học Đại học 357, Cao đẳng: 138, Bồi dưỡng quản lý giáo dục 329, Bồi dưỡng lý luận chính trị 423; số giáo viên học thạc sĩ 84, học Đại học 2396, học Cao đẳng 1413, đào tạo trung cấp 81.(đính kèm biểu số 5,7)

Trong 03 năm, số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nghỉ hưu hưởng chế độ chính sách là 549 người (trong đó có 68 cán bộ quản lý, 443 giáo viên, 38 nhân viên). Các đơn vị có người nghỉ hưu đã tuyển dụng bù đắp số cán bộ, giáo viên và nhân viên nghỉ hưu, trong đó chú ý đến công tác tuyển chọn thay thế người có đủ năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu đổi mới ngành giáo dục. (đính kèm biểu số 9)

3. Công tác chỉ đạo và kết quả triển khai việc đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục

Sau 03 năm triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đội ngũ giáo viên đã có sự chuyển biến tích cực trong việc khai thác, sử dụng đồ dùng dạy học, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn giảng. Phương pháp dạy học linh hoạt hơn, khắc phục kiểu truyền thụ một chiều, đồng thời phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Hoạt động chuyên môn ở các trường tiếp tục được giữ vững và phát triển phong phú hơn. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cải tiến theo hướng đánh giá đúng năng lực học tập của học sinh.

4. Việc đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Trên cơ sở nghiên cứu và vận dụng các văn bản chỉ đạo cấp trên, ngành giáo dục và đào tạo tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cán bộ quản lý giáo dục các cấp, nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng công tác quản lý của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý gắn với việc nâng cao tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh lãnh đạo của đội ngũ cán bộ quản lý, gắn với công tác đào tạo bồi dưỡng. Nhiều cán bộ quản lý dự nguồn được đưa đi đào tạo trên chuẩn về chuyên môn, đạt chuẩn về lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý giáo dục để kịp bổ sung, thay thế khi có nhu cầu.

Toàn ngành đã thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa, điều hành và quản lý nhà trường bằng kế hoạch trên cơ sở thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, quy chế phối hợp trong và ngoài nhà trường. Mạng lưới thanh tra các cấp từng bước được kiện toàn, đảm bảo đủ trình độ và năng lực để thực hiện nhiệm vụ; công tác thanh, kiểm tra các cấp luôn bám sát kế hoạch đề ra. Qua thanh tra, đã góp phần tích cực trong xây dựng nền nếp, kỷ cương trong ngành.

5. Việc thực hiện các chính sách, chế độ để góp phần nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Các chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện kịp thời và đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của cán bộ, viên chức.

Ngoài các chế độ chính sách chung của Nhà nước quy định, UBND tỉnh đã ban hành một số chế độ chính sách riêng cho cán bộ, giáo viên của tỉnh như: Chế độ cho cán bộ, giáo viên tham gia kiểm tra, công nhận giáo viên dạy giỏi; chế độ bồi dưỡng cho giáo viên tăng thời lượng giảng dạy ngoại ngữ,...

6. Về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Cùng với ngành Giáo dục và Đào tạo, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương luôn quan tâm đến việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên. Toàn ngành đã xây dựng được hệ thống chính trị vững mạnh; các tổ chức chính trị trong nhà trường từng bước được củng cố và phát huy vai trò, vị trí trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Công đoàn cơ sở trường học ngày càng hoạt động hiệu quả hơn, thật sự là tổ chức chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ lợi ích chính đáng của cán bộ, giáo viên; Công tác phát triển Đảng viên trong ngành Giáo dục và Đào tạo cũng được các cấp ủy Đảng quan tâm, đến nay tỷ lệ đảng viên toàn ngành đạt 51,2% (so chỉ tiêu Kế hoạch 2180/KH-UBND vượt 1,2%) (đính kèm biểu 8)

II. Nhận xét, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch 2180/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư trung ương Đảng xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2011-2015

1. Ưu điểm

Sau 03 năm triển khai thực hiện Kế hoạch 2180/KH-UBND cho thấy đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của ngành ngày càng nhận thức tốt hơn về vị trí, trách nhiệm của mình trong việc nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà nói riêng và của cả nước nói chung trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đội ngũ giáo viên đã từng bước được sắp xếp bố trí sử dụng hợp lý đảm bảo chỉ tiêu biên chế quy định, hiện tượng vừa thừa, vừa thiếu từng bước đã được khắc phục. Công tác nhận xét, đánh giá ngày càng đi vào thực chất, đảm bảo phản ánh được năng lực của đội ngũ.

Chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện kịp thời, ngoài những chính sách do trung ương quy định, ngành Giáo dục và Đào tạo từng lúc tham mưu UBND tỉnh ban hành một số chế độ, chính sách từ đó đã góp phần động viên đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Những tồn tại, hạn chế

Trước những yêu cầu ngày càng nâng cao của công tác quản lý và giảng dạy, một số cán bộ, giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu, giảng dạy còn nặng về lý thuyết, còn lúng túng trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

Tỷ lệ cán bộ quản lý trường học đạt chuẩn về lý luận chính trị 73,2% còn hụt so với kế hoạch là 26,8%, trình độ quản lý giáo dục 87,9% hụt so với kế hoạch là 12,1%. Tỷ lệ trình độ chuyên môn trên chuẩn của cán bộ quản lý ở cấp Trung học phổ thông 16,8% còn hụt so với kế hoạch là 8,2%.

Công tác nhận xét, đánh giá cán bộ, giáo viên còn một số hạn chế nhất định, chưa thật sự phản ánh đúng thực chất năng lực của cán bộ, viên chức. Nội dung nhận xét đánh giá, nhất là đối với cán bộ quản lý chưa thực sự cụ thể, chưa thể hiện rõ kết quả các mặt công tác trong quản lý trường học.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

Một số giáo viên giảng dạy còn nặng về lý thuyết, thực hiện phương pháp giảng dạy chưa phù hợp; một số ít giáo viên chưa thể hiện trách nhiệm cao trong công tác giảng dạy, ít nghiên cứu, tự học tập, tự rèn luyện.

Công tác đánh giá cán bộ, giáo viên vẫn chưa thật sự đi vào chiều sâu, còn nể nang, nội dung đánh giá chưa thật cụ thể, chưa mang tính định lượng, từ đó kết quả đánh giá chưa phản ánh đúng thực tế năng lực của từng cán bộ, giáo viên gây khó khăn trong việc bố trí, sử dụng đội ngũ.

4. Những công việc cần tập trung trong thời gian tới

4.1. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 2180/KH-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2011-2015.

4.2. Đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn trên chuẩn trong đội ngũ thông qua việc phối hợp, liên kết với các trường đại học đào tạo trong tỉnh và ngoài tỉnh. Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh, Học viện Cán bộ quản lý để bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý đương chức và dự bị, dự nguồn.

4.3. Thực hiện tốt hơn nữa công tác nhận xét, đánh giá hàng năm trong đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, từng bước nghiên cứu, đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ, qua đó tạo cơ sở cho việc bố trí, sử dụng tốt đội ngũ.

4.4. Tăng cường công tác thanh tra, đánh giá các hoạt động giáo dục, qua đó giúp phát huy những mặt tích cực trong quản lý và dạy học; kịp thời uốn nắn, điều chỉnh những mặt hạn chế góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

4.5. Đẩy mạnh việc đổi mới nội dung, chương trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tư duy, khả năng sáng tạo và tự học của học sinh.

4.6. Nâng cao nhận thức trong toàn đội ngũ về công tác quy hoạch cán bộ quản lý trường học; về vị trí, nhiệm vụ của cán bộ quản lý trong công tác quản lý trường học; tiếp tục rà soát, bổ nhiệm cán bộ quản lý theo qui định của Điều lệ trường học và Quyết định số 27/QĐ-TTg; Quyết định số 770-QĐ/TU của Tỉnh ủy Bến Tre về công tác bổ nhiệm cán bộ.

4.7. Tích cực hưởng ứng các cuộc vận động: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “ Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, qua đó giúp nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, viên chức ngành giáo dục và đào tạo về vị trí, trách nhiệm của mình trong công tác quản lý, giảng dạy trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Nghiên cứu: TH, VHXX, TCĐT tỉnh;
- Giám đốc và Phó Giám đốc Sở;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Bửu

BIỂU 1: THÔNG KÊ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ

Giai đoạn 2011-2013

(Kèm theo Báo cáo số 268 /BC-SGD&ĐT ngày 11 tháng 01 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chức danh (cán bộ quản lý)	Năm 2010-2011										Năm 2011-2012										Năm 2012-2013										Chỉ tiêu Kế hoạch 2180/KH- UBND đến năm 2015
	Trình độ chuyên môn					Trình độ chuẩn					Trình độ chuyên môn					Trình độ chuẩn					Trình độ chuyên môn					Trình độ chuẩn					
	Tổng cộng	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới cấp	Trên chuẩn (%)	Đạt chuẩn (%)	Dưới chuẩn (%)	Tổng cộng	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới cấp	Trên chuẩn (%)	Đạt chuẩn (%)	Dưới chuẩn (%)	Tổng cộng	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới cấp	Trên chuẩn (%)	Đạt chuẩn (%)	Dưới chuẩn (%)	Trên chuẩn (%)	Đạt chuẩn (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30		
Mầm non	256	0	51	168	37	0	85,5%	100%	0	270	0	90	162	18	0	93,3%	100%	0	293	0	140	139	14	0	95,2%	100%	0	90%	100%		
Tiểu học	405	1	199	175	31	0	92,6%	100%	0	398	1	237	143	17	0	95,7%	100%	0	401	3	257	124	17	0	95,8%	100%	0	90%	100%		
THCS	282	0	260	22	0	0	92,2%	100%	0	285	0	271	14	0	0	95,1%	100%	0	284	1	271	12	0	0	95,8%	100%	0	80%	100%		
THPT-GDTX-HN	115	15	100	0	0	0	13,0%	100%	0	124	17	107	0	0	0	13,7%	100%	0	125	21	104	0	0	0	16,8%	100%	0	25%	100%		
Tổng cộng	1058	16	610	365	68	0			0	1077	18	705	319	35	0			0	1103	25	772	275	31	0							

BIỂU 2: THÔNG KÊ TRÌNH ĐỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Giai đoạn 2011-2013

(Kèm theo Báo cáo số 268 /BC-SGD&ĐT ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chức danh (Cán bộ quản lý)	Năm 2010-2011						Năm 2011-2012						Năm 2012-2013						Chỉ tiêu Kế hoạch 2180/KH- UBND đến năm 2015		
	Trình độ quản lý giáo dục			Tỷ lệ trình độ quản lý giáo dục			Trình độ quản lý giáo dục			Tỷ lệ trình độ quản lý giáo dục			Trình độ quản lý giáo dục			Tỷ lệ trình độ quản lý giáo dục \					
	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng QLGD	Chưa bồi dưỡng	Đã bồi dưỡng QLGD (%)	Chưa bồi dưỡng QLGD (%)	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng QLGD	Chưa bồi dưỡng	Đã bồi dưỡng QLGD (%)	Chưa bồi dưỡng QLGD (%)	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng QLGD	Chưa bồi dưỡng	Đã bồi dưỡng QLGD (%)	Chưa bồi dưỡng QLGD (%)	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng QLGD (%)	Chưa bồi dưỡng QLGD (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	7	8	9	10	11	7	8	9	10	11	12
Mầm non	256	230	26	89.8%	10.2%	270	232	38	85.9%	14.1%	293	239	54	81.6%	18.4%	293	239	54	81.6%	18.4%	100%
Tiểu học	405	359	46	88.6%	11.4%	398	368	30	92.5%	7.5%	401	364	37	90.8%	9.2%	401	364	37	90.8%	9.2%	100%
THCS	282	261	21	92.6%	7.4%	285	253	32	88.8%	11.2%	284	254	30	89.4%	10.6%	284	254	30	89.4%	10.6%	100%
THPT-GD TX-HN	115	91	24	79.1%	20.9%	124	98	26	79.0%	21.0%	125	112	13	89.6%	10.4%	125	112	13	89.6%	10.4%	100%
Tổng cộng	1058	941	117	88.9%	11.1%	1077	951	126	88.3%	11.7%	1103	969	134	87.9%	12.1%	1103	969	134	87.9%	12.1%	100%

BIỂU 3: THÔNG KÊ TRÌNH ĐỘ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Giai đoạn 2011-2013

(Kèm theo Báo cáo số 248 /BC-SGD&ĐT ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chức danh (Cán bộ quản lý)	Năm 2010-2011						Năm 2011-2012						Năm 2012-2013						Chỉ tiêu Kế hoạch 2180/KH-UBND đến năm 2015
	Trình độ lý luận chính trị			Tỷ lệ trình độ lý luận chính trị			Trình độ lý luận chính trị			Tỷ lệ trình độ lý luận chính trị			Trình độ lý luận chính trị			Tỷ lệ trình độ lý luận chính trị			
	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng Trung cấp trở lên	Chưa bồi dưỡng	Đã bồi dưỡng Trung cấp trở lên (%)	Chưa bồi dưỡng (%)	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng Trung cấp trở lên	Chưa bồi dưỡng	Đã bồi dưỡng Trung cấp trở lên (%)	Chưa bồi dưỡng (%)	Tổng cộng	Đã bồi dưỡng Trung cấp trở lên	Chưa bồi dưỡng	Đã bồi dưỡng Trung cấp trở lên (%)	Chưa bồi dưỡng (%)	Đã bồi dưỡng Trung cấp trở lên (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17			
Mầm non	256	114	142	44.5%	55.5%	270	132	138	48.9%	51.1%	293	168	125	57.3%	42.7%	100%			
Tiểu học	405	255	150	63.0%	37.0%	398	274	124	68.8%	31.2%	401	299	102	74.6%	25.4%	100%			
THCS	282	233	49	82.6%	17.4%	285	237	48	83.2%	16.8%	284	242	42	85.2%	14.8%	100%			
THPT-GDPTX-HN	115	88	27	76.5%	23.5%	124	94	30	75.8%	24.2%	125	98	27	78.4%	21.6%	100%			
Tổng cộng	1058	690	368	65.2%	34.8%	1077	737	340	68.4%	31.6%	1103	807	296	73.2%	26.8%	100%			

Biểu 4: THỐNG KÊ CÔNG TÁC BỒ NHIỆM CÁN BỘ NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Giai đoạn 2011-2013

(Kèm theo Báo cáo số 268 /BC-SGD&ĐT ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Năm	Bổ nhiệm mới	Bổ nhiệm lại	Điều động	Thôi giữ chức vụ	Ghi chú
Phòng GD&ĐT	232	352	153	53	
Năm 2011	80	186	45	22	
Năm 2012	63	71	63	15	
Năm 2013	89	95	53	16	
THPT-GD&ĐT-HN	25	37	18	6	
Năm 2011	11	18	10	1	
Năm 2012	3	5	2	0	
Năm 2013	11	14	6	5	
Tổng cộng	257	389	171	59	

Biểu 5: TỌNG HỢP CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ QUẢN LÝ

Giai đoạn 2011-2013

(Kèm theo Báo cáo số 268 /BC-SGD&ĐT ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đội ngũ CBQL	Năm 2010-2011						Năm 2011-2012						Năm 2012-2013						Tổng cộng qua 03 năm thực hiện					
	Đào tạo Cao đẳng	Đào tạo Đại học	Đào tạo Thạc sĩ	Bồi dưỡng Quản lý giáo dục	Bồi dưỡng Lý luận chính trị	Đào tạo Cao đẳng	Đào tạo Đại học	Đào tạo Thạc sĩ	Bồi dưỡng Quản lý giáo dục	Bồi dưỡng Lý luận chính trị	Đào tạo Cao đẳng	Đào tạo Đại học	Đào tạo Thạc sĩ	Bồi dưỡng Quản lý giáo dục	Bồi dưỡng Lý luận chính trị	Đào tạo Cao đẳng	Đào tạo Đại học	Đào tạo Thạc sĩ	Bồi dưỡng Quản lý giáo dục	Bồi dưỡng Lý luận chính trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21				
Mầm non	53	60	0	40	34	31	39	0	23	43	17	65	0	38	55	101	164	0	101	132				
Tiểu học	22	44	3	38	55	8	43	0	38	47	6	39	1	21	61	36	126	4	97	163				
THCS	0	15	5	21	25	0	16	0	24	32	0	12	0	22	30	0	43	5	67	87				
THPT-GDTX-HN	1	4	2	17	12	0	10	0	28	14	0	10	2	19	15	1	24	4	64	41				
Tổng cộng	76	123	10	116	126	39	108	0	113	136	23	126	3	100	161	138	357	13	329	423				

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 TP. HỒ CHÍ MINH

BIỂU 6: THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG CỦA ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN

Giai đoạn 2011-2013

(Kèm theo Báo cáo số LC8

/BC-SGD&ĐT ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chức danh (giáo viên)	Năm 2010-2011										Năm 2011-2012										Năm 2012-2013										Chỉ tiêu Kế hoạch 2180/KH-UBND đến năm 2015	
	Trình độ chuyên môn					Trình độ chuẩn					Trình độ chuyên môn					Trình độ chuẩn					Trình độ chuyên môn					Trình độ chuẩn					Trên chuẩn n (%)	Đạt chuẩn (%)
	Tổng cộng	Thạc sĩ học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới Trung cấp	Trên chuẩn (%)	Đạt chuẩn (%)	Dưới chuẩn (%)	Tổng cộng	Thạc sĩ học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới Trung cấp	Trên chuẩn (%)	Đạt chuẩn (%)	Dưới chuẩn (%)	Tổng cộng	Thạc sĩ học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới Trung cấp	Trên chuẩn (%)	Đạt chuẩn (%)	Dưới chuẩn (%)					
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
Mầm non	1337	0	82	600	649	6	51.0%	99.6%	0.4%	1426	0	187	814	425	0	70.2%	100%	0.0%	1591	9	360	907	315	0	80.2%	100%	0	60	100			
Tiểu học	4745	0	998	2510	1232	5	73.9%	99.9%	0.1%	4813	1	1388	2568	856	0	82.2%	100%	0.0%	4972	1	1673	2605	693	0	86.1%	100%	0	80	100			
THCS	4400	0	2839	1551	10	0	64.5%	99.8%	0.2%	4377	0	3223	1146	8	0	73.6%	99.8%	0.2%	4363	2	3359	1002	0	0	77.0%	100%	0	60	100			
THPT-GDTX-HN	1959	144	1808	2	5		7.4%	99.6%	0.4%	2069	229	1837	3	0	0	11.1%	99.9%	0.1%	2078	213	1862	3	0	0	10.3%	99.9%	0.1%	15	100			
Tổng cộng	12441	144	5727	4663	1896	11				12685	230	6635	4531	1289	0				13004	225	7254	4517	1008	0								

BIỂU 7: TỔNG HỢP CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŪ GIÁO VIÊN

Giai đoạn 2011-2013

(Kèm theo Báo cáo số 2/C8 /BC-SGD&ĐT ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đội ngũ Giáo viên	Năm 2010-2011				Năm 2011-2012				Năm 2012-2013				Tổng cộng qua 03 năm thực hiện				
	Đào tạo Trung cấp	Đào tạo Cao đẳng	Đào tạo Đại học	Đào tạo Thạc sĩ	Đào tạo Trung cấp	Đào tạo Cao đẳng	Đào tạo Đại học	Đào tạo Thạc sĩ	Đào tạo Trung cấp	Đào tạo Cao đẳng	Đào tạo Đại học	Đào tạo Thạc sĩ	Đào tạo Trung cấp	Đào tạo Cao đẳng	Đào tạo Đại học	Đào tạo Thạc sĩ	
Mầm non	13	249	133	0	11	219	187	0	11	176	312	0	35	644	632	0	
Tiểu học	15	376	320	1	11	238	352	1	12	149	280	1	38	763	952	3	
THCS	0	3	447	2	4	1	231	4	2	1	121	2	6	5	799	8	
THPT-TTGD TX	1	0	2	29	1	1	9	31	0	0	2	13	2	1	13	73	
Tổng cộng	29	628	902	32	27	459	779	36	25	326	715	16	81	1413	2396	84	

BIỂU 8: THỐNG KÊ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Giai đoạn 2011-2013

(Kèm theo Báo cáo số 268 /BC-SGD&ĐT ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Cấp học	Năm học 2010-2011			Năm học 2011-2012			Năm học 2012-2013			Chỉ tiêu Kế hoạch 2180/KH-UBND đến năm 2015	So với Chỉ tiêu Kế hoạch 2180/KH-UBND đến năm 2013
	Tổng số	Trong đó Đảng viên	Tỷ lệ Đảng viên (%)	Tổng số	Trong đó Đảng viên	Tỷ lệ Đảng viên (%)	Tổng số	Trong đó Đảng viên	Tỷ lệ Đảng viên (%)		
I	2	3	4	5	6	7	5	6	7	8	9
Mầm non	1875	873	46.6%	2023	1010	49.9%	2292	1178	51.4%	50	Vượt 1,4
CBQL	256	230	89.8%	270	246	91.1%	293	278	94.9%		
Giáo viên	1337	551	41.2%	1426	650	45.6%	1591	747	47.0%		
Còn lại	282	92	32.6%	327	114	34.9%	408	153	37.5%		
Tiểu học	5675	2752	48.5%	5724	2968	51.9%	5996	3206	53.5%	50	Vượt 3.5
CBQL	405	385	95.1%	398	384	96.5%	401	389	97.0%		
Giáo viên	4745	2155	45.4%	4813	2341	48.6%	4972	2543	51.1%		
Còn lại	525	212	40.4%	513	243	47.4%	623	274	44.0%		
Trung học cơ sở	5261	2346	44.6%	5215	2510	48.1%	5245	2669	50.9%	50	Vượt 0.9
CBQL	282	268	95.0%	285	271	95.1%	284	270	95.1%		
Giáo viên	4400	1951	44.3%	4377	2084	47.6%	4363	2210	50.7%		
Còn lại	579	127	21.9%	553	155	28.0%	598	189	31.6%		
THPT-GD TX-HN	2288	938	41.0%	2407	1049	43.6%	2422	1107	45.7%	50	hụt 4.3%
CBQL	115	115	100.0%	124	123	99.2%	125	115	92.0%		
Giáo viên	1959	771	39.4%	2069	865	41.8%	2078	923	44.4%		
Còn lại	214	52	24.3%	214	61	28.5%	219	69	31.5%		
Tổng cộng toàn ngành GD&ĐT	15099	6909	45.8%	15369	7537	49.0%	15955	8160	51.1%	50	Vượt 1,1%
CBQL	1058	998	94.3%	1077	1024	95.1%	1103	1052	95.4%		
Giáo viên	12441	5428	43.6%	12685	5940	46.8%	13004	6423	49.4%		
Còn lại	1600	483	30.2%	1607	573	35.7%	1848	685	37.1%		

BIỂU 9: THÔNG KÊ NGHĨ HỮU CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Giai đoạn 2011-2013

(Kèm theo Báo cáo số 148 /BC-SGD&ĐT ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Cấp học	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tổng cộng
1	2	3	4	5
Mầm non	39	14	10	63
CBQL	8	3	3	14
Giáo viên	26	8	5	39
Còn lại	5	3	2	10
Tiểu học	157	54	39	250
CBQL	20	7	3	30
Giáo viên	130	45	31	206
Còn lại	7	2	5	14
Trung học cơ sở	80	31	51	162
CBQL	8	1	5	14
Giáo viên	69	29	45	143
Còn lại	3	1	1	5
THPT-GDTX-HN	33	16	25	74
CBQL	2	1	7	10
Giáo viên	24	15	16	55
Còn lại	7	0	2	9
Tổng hợp	309	115	125	549
CBQL	38	12	18	68
Giáo viên	249	97	97	443
Còn lại	22	6	10	38

